

Số: /KH-SGDĐT

Hà Nam, ngày 17 tháng 8 năm 2020

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Công văn số 2238/UBND-KGVX ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021; Hướng dẫn của Sở Thông tin và truyền thông Hà Nam;

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA CƠ QUAN GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) góp phần rất lớn trong hỗ trợ đổi mới công tác quản lý giáo dục và hỗ trợ đổi mới phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo và tiến tới tiếp cận sự công bằng trong giáo dục giảm sự phân cách số giữa thành thị và nông thôn, giữa miền núi và miền xuôi, chính vì vậy Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ: "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giáo dục và đào tạo ở các cấp học, bậc học, ngành học. Phát triển các hình thức đào tạo từ xa phục vụ cho nhu cầu học tập của toàn xã hội. Đặc biệt tập trung phát triển mạng máy tính phục vụ cho giáo dục và đào tạo, kết nối Internet tới tất cả các cơ sở giáo dục và đào tạo". Chính vì vậy trong những năm qua Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Nam đã liên tục chỉ đạo, xây dựng, triển khai các đề án, dự án, chỉ thị, kế hoạch để tăng cường việc đưa tin học vào nhà trường, việc ứng dụng CNTT&TT trong giáo dục và đào tạo đã đạt được những thành tựu nhất định.

Việc ban hành các văn bản, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, quy chế, quy định, ... trong cơ quan giai đoạn 2016-2020 được thực hiện rất đầy đủ và kịp thời.

Cơ quan, đơn vị luôn khuyến khích các CBCC ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách hành chính, quản lý nhân sự, tài chính, dự án, đề tài khoa học... và nhiệm vụ chuyên môn.

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Số lượng máy chủ: 2 (đang sử dụng).
- Số lượng máy trạm: 45; Tỷ lệ máy trạm/cán bộ, công chức: 100%, tuy nhiên một số máy quá cũ, cần phải thay mới.
- Hiệu quả hoạt động của hệ thống máy tính, mạng cục bộ, kết nối với mạng diện rộng của tỉnh, mức độ sử dụng: ổn định 100% thời gian làm việc.
- Hệ thống máy tính, mạng LAN, mạng WAN và mạng Internet của Sở Giáo dục và Đào tạo hoạt động hiệu quả, đáp ứng công việc trao đổi thông tin trong toàn ngành, với các cơ quan trong tỉnh và với Bộ GDĐT.

III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG

Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Sở GDĐT luôn ổn định với nhiều phân hệ quản lý giáo dục và các phần mềm ứng dụng, đảm bảo hoạt động của cơ quan. Hệ thống máy tính, mạng LAN, mạng WAN và mạng Internet của Sở Giáo dục và Đào tạo hoạt động hiệu quả, đáp ứng công việc trao đổi thông tin trong toàn ngành, với các cơ quan trong tỉnh và với Bộ GDĐT. Mức độ sử dụng thường xuyên, 100% cán bộ, chuyên viên của Sở biết ứng dụng CNTT vào khai thác sử dụng các mạng LAN, WAN, Internet vào công việc.

IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

Hiện nay Sở GDĐT đang triển khai "hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành" cấp quốc gia, hệ thống "Sổ điểm điện tử toàn ngành" cấp tỉnh và nhiều hệ thống khác như: thống kê giáo dục, quản lý chất lượng giáo dục tiểu học, hệ thống quản lý giáo dục mầm non, quản lý thi, quản lý kiểm định chất lượng giáo dục... Các hệ thống đều đảm bảo an toàn dữ liệu và ổn định phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo của toàn ngành.

V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

Tình hình ứng dụng CNTT tại đơn vị tốt, 100% phòng ban cơ quan Sở đã ứng dụng phần mềm quản lý văn bản. 100% cán bộ, chuyên viên cơ quan Sở đã sử dụng email công vụ do Bộ GDĐT và UBND tỉnh cấp để trao đổi công việc.

Công tác triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến: cung cấp 100% thủ tục hành chính trực tuyến, mức độ 4: 15 thủ tục; mức độ 3: 45 thủ tục (tổng 60 thủ tục) trên cổng thông tin điện tử của ngành và của tỉnh.

Sự kết nối giữa hệ thống hành chính công một cửa của tỉnh và của cơ quan luôn thông suốt, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi các thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa của tỉnh.

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

- Trình độ của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan như: Bằng cấp, chứng chỉ về tin học: 100% biết sử dụng máy tính và ứng dụng CNTT vào công việc.

- Tổng số cán bộ, công chức trong cơ quan: 41.

- Số người có trình độ tin học: đại học: 5

- Số người có chứng chỉ tin học văn phòng: 35

VII. AN TOÀN THÔNG TIN

- Hệ thống mạng LAN của cơ quan, các máy tính đều được trang bị phần mềm diệt virus bản quyền, tường lửa tại máy chủ, đảm bảo an toàn an ninh mạng cho toàn hệ thống.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, đảm bảo an toàn, an ninh hoạt động ổn định, trang bị các thiết bị phần mềm, phần cứng đáp ứng.

- Đảm bảo hệ thống mạng Lan, mạng Internet, hệ thống phần mềm đặc biệt là phần mềm “quản lý hồ sơ công việc” VNPT-E Office hoạt động thường xuyên, ổn định.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020 (Phụ lục I).

PHẦN II NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 12/12/2017;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về sử dụng phần mềm tự do mã nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

- Thông tư số 139/2010/BTC ngày 2/9/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam

- Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam.

- Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam.

- Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế Quản lý và cung cấp thông tin, dịch vụ trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam.

- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam.

- Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hà Nam.

- Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh về tăng cường hiệu quả khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh về việc tăng

cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Kế hoạch hành động số 1463/KH-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025.

- Kế hoạch số 1795/KH-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Kế hoạch số 2172/KH-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Công Dịch vụ công quốc gia.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; tích hợp các hệ thống thông tin quản lý ngành hiện có vào cơ sở dữ liệu ngành. Triển khai đồng bộ các phần mềm quản lý trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành. Tạo tiền đề cho bước xây dựng chính quyền điện tử đối với toàn ngành giáo dục.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước về giáo dục trong địa bàn tỉnh, phục vụ xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công chức trong cơ quan trong ứng dụng CNTT vào giải quyết công việc.

- Bảo đảm an toàn thông tin cho 100% các máy tính nối mạng của cơ quan Sở và toàn ngành, gồm: triển khai hoàn thiện và duy trì mô hình 4 lớp; triển khai SOC; xác định và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; giám sát an toàn thông tin; bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đào tạo, tập huấn, diễn tập; tuyên truyền nâng cao nhận thức; ứng cứu, khắc phục sự cố;...

- Bảo đảm an toàn thông tin về các lĩnh vực khác, theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý cấp trên.

IV. NHIỆM VỤ

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ ứng dụng CNTT thực hiện Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã ban hành;

- Thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ và giữa các cơ quan, để nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết

TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

- Thực hiện kết nối liên thông các phần mềm quản lý văn bản và điều hành bảo đảm thông suốt các cấp để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và các nội dung khác theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT, kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin để đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT của cơ quan. Cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

- Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng hệ thống cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (mức độ 3, 4) phục vụ người dân và doanh nghiệp theo hướng hiệu quả (tiết kiệm thời gian, chi phí,...), tăng cường tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu 40% hồ sơ được xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến tại mức độ 3, 30% hồ sơ được xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến tại mức độ 4.

Tình hình sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Hệ thống thư điện tử Hà Nam.

- Giai đoạn 2021-2021 tiếp tục triển khai sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ công việc đến 100% cán bộ trong cơ quan Sở. 100% văn bản đi, đến được cập nhật lên phần mềm.

- Giai đoạn 2021-2021 tài khoản thư điện tử của tỉnh (@hanam.gov.vn) tiếp tục được tích hợp với email ngành (moet.edu.vn) và hướng dẫn sử dụng, đảm bảo 100% cán bộ, chuyên viên cơ quan Sở trao đổi thông tin thuận tiện, dễ dàng.

b) Phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ

Ứng dụng các phần mềm khác đã được trang bị tại cơ quan:

- Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, các CSDL ngành, lĩnh vực và các hệ thống thông tin cốt lõi tạo nền tảng xây dựng Chính phủ điện tử bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc Chính quyền điện tử của các bộ, ngành,

địa phương đã ban hành và theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các CSDL quốc gia và danh mục các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi triển khai từ Trung ương đến địa phương do các Bộ, ngành triển khai đã được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ và của Cục Tin học hóa theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 để tránh đầu tư trùng lặp.

- Tên phần mềm:

Hệ thống phần mềm Quản lý giáo dục gồm nhiều phân hệ (quản lý điểm trực tuyến, tự động xuất báo cáo, kiểm định chất lượng giáo dục, phổ cập giáo dục xóa mù chữ, quản lý trường mầm non...

Quản lý Tài chính: MISA

Quản lý Thi: PMQLT

Quản lý học sinh: BDEMIS.STUDENT

Hệ thống CSDL ngành: CSDL

- Mức độ ứng dụng: Ứng dụng thường xuyên, liên tục.

c) Phục vụ công tác khác: Công tác dự báo, xây dựng kế hoạch.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

Thay thế, lắp đặt thêm các nút mạng mới, thay thế dây mạng, các bộ chuyển mạch (Switch), lắp đặt bộ phát sóng Wifi (Router Wifi) cho các tầng và hội trường tầng 2, tầng 4.

- Thiết bị CNTT cho hội trường tầng 4.

- Đầu tư thiết bị, máy tính cho phòng họp trực tuyến.

- Trang bị máy tính bảng phục vụ xử lý công việc trên môi trường mạng cho lãnh đạo sở, lãnh đạo các phòng thuộc sở.

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

- Triển khai đồng bộ các phần mềm quản lý trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành.

4. Phát triển dữ liệu

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; tích hợp các hệ thống thông tin quản lý

ngành hiện có vào cơ sở dữ liệu ngành.

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục của địa phương, phối hợp với Sở TTTT và các đơn vị liên quan cung cấp dữ liệu cho trung tâm điều hành thông minh của tỉnh.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

a) Cổng Thông tin điện tử

Cập nhật tương đối các thông tin theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP lên cổng con của tỉnh <http://hanam.gov.vn> và lên cổng thông tin riêng của Sở là: <http://hanam.edu.vn>

b) Dịch vụ công trực tuyến

- Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công và các nội dung liên quan theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, kết nối mạng thông tin phục vụ công việc này theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Các dịch vụ công trực tuyến mức 3-4 (Tổng số có 60 dịch vụ): qua hành chính công “một cửa”

- Cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

- Tiếp nhận và chuyển giao giáo viên.

- Tiếp nhận và chuyển học sinh, ...

- Mức độ cập nhật, khai thác các dịch vụ này: thường xuyên.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tăng cường tập huấn, triển đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống, phần mềm, hạ tầng ứng dụng CNTT; kiện toàn, bố trí cán bộ chuyên trách quản lý về an toàn thông tin cho đơn vị;...

- Nghiêm túc thực hiện theo các văn bản quy định của tỉnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị trực thuộc Sở;

- Định kỳ hằng năm tổ chức đào tạo nhân sự phụ trách về an toàn thông tin về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin: 01 lần/năm;

- Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT hằng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án CNTT (thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ).

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức cơ quan và các đơn vị trực thuộc.

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống; an toàn thông tin;...

V. GIẢI PHÁP

Cụ thể bao gồm các nhóm giải pháp tiêu biểu như sau:

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

Truyền thông qua cổng thông tin điện tử các đơn vị, qua các cuộc họp, hội nghị, hội thảo về triển khai ứng dụng CNTT hằng năm

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công; tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính phủ điện tử/Chính phủ số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, ... gắn chặt giữa ứng dụng CNTT và cải cách hành chính; triển khai thí điểm mô hình ứng dụng CNTT sau đó nhân rộng.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

Bao gồm các hoạt động nhằm thu hút, đa dạng hoá nguồn lực để phát triển Chính phủ điện tử/Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (tài lực; nhân lực;...).

Tham mưu với UBND tỉnh, Sở Tài chính ưu tiên kinh phí phục vụ việc ứng dụng CNTT trong cơ quan Sở và toàn ngành.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

Bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam;...).

6. Môi trường chính sách

Tham mưu với UBND tỉnh, với lãnh đạo cơ quan ra các văn bản về đãi ngộ đối với người làm công tác CNTT của các đơn vị. Tham mưu xây dựng chính sách thúc đẩy, khuyến khích việc ứng dụng CNTT vào các công việc giảng dạy và học tập trong toàn ngành.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Xác định lộ trình thực hiện các nội dung Kế hoạch. Trong đó, dự kiến kết quả thực hiện Kế hoạch trong mỗi năm như sau.

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến tổng kinh phí	Nội dung /hạng mục năm 2020	Dự kiến kinh phí năm 2021	
							NSDP hoặc NSTW	Nguồn khác
1	Thiết bị phục vụ công tác quản lý	Cơ quan Sở	2021		250,00		250,00	
2	Xây dựng hệ thống học trực tuyến LMS cho toàn ngành	Cơ quan Sở	2021		500,00		500,00	
3	Chi phí các lớp tập huấn	Ngành	2021-2025		100,00		20,00	
TỔNG					850,00		770,00	

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí, dự kiến thực hiện Kế hoạch này được lấy từ ngân sách địa phương dành cho giáo dục và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (xem bảng trên – Phần VI).

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao phòng Chính trị, tư tưởng (CTTT) chủ trì phối hợp với các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo đơn đốc, tham mưu chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch CNTT giai đoạn 2021-2025 trong cơ quan Sở và toàn ngành.

IX. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án theo Phụ lục II (kèm theo Kế hoạch này)/.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (qua Cục CNTT);
 - UBND tỉnh;
 - Sở TTTT;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Đơn vị thuộc Sở;
 - Lưu: VT, CTTT.
- } (để b/c)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quang Long